

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ -ST

Ngày: 25/07/2018

“V/v Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Bạch Tuyết

Ông Trương Văn Lộc

Thư ký phiên tòa: ông Thái Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Kim C – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Tp Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B2, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi làm việc: số 12-14 đường 882 Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, Tp Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Cổ Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L.Th, xã H, huyện C, Tp.M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong nội dung đơn xin ly hôn đề ngày 11/4/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn ông Huỳnh Công T trình bày:

Ông và bà Hạnh tự nguyện tìm hiểu từ năm 2007 đến năm 2009 thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Tp.M, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 52, ngày đăng ký 06/5/2009.

Trong quá trình sống chung với nhau từ năm 2009 đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày càng nhiều hơn, dẫn đến tình cảm giữa ông và bà H không còn, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân nữa. Năm 2014 ông T có nộp đơn xin ly hôn với bà H một lần, nhưng bà H không đồng ý cho rằng con còn nhỏ. Trong bốn năm qua,

tình cảm vợ chồng không trở lại được. nay Ông có nguyện vọng xin Tòa án cho ly hôn với bà H.

Về con chung: có 01 con tên là:

- Huỳnh Hy Tr, sinh ngày 28/6/2012, giới tính: Nữ.

Sau khi, được Tòa án xem xét cho ly hôn, bà H là người trực tiếp nuôi con, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải mà tiến hành thủ tục đưa vụ án ra xét xử vì ông Trần cho rằng không còn tình cảm với bà Hạnh. Ông T cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình và không khiếu nại gì về sau.

Đối với bị đơn là bà Cổ Ngọc H trình bày: Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Tp. M, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 52, ngày đăng ký 06 tháng 5 năm 2009. Bà H khai giữa bà và ông T chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ, cự cãi nhẹ nhàn trong gia đình, chưa xảy ra mâu thuẫn gây gắt, có thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Bà H cho rằng con còn nhỏ và có biểu hiện của bệnh tự kỷ, nên không đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Công T, vì mục đích là để hàn gắn, đoàn tụ gia đình cùng nhau chăm sóc, giáo dục con chung.

Về con chung: có một con tên là Huỳnh Hy Tr, sinh ngày 28/6/2012; Giới tính: Nữ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giò, Tp Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân huyện Cần Giò, Tp Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc ông T xin được ly hôn với bà H và bà H được tiếp tục nuôi con chung, ông Huỳnh Công T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu Huỳnh Hy Tr trưởng thành. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho bà H nhưng bà không có ý kiến đồng thời vắng mặt mà không thông báo hay có lý do chính đáng nên giữa các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án. Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Huỳnh Công T có đơn xin ly hôn đối với bà Cổ Ngọc H, sinh năm 1982, cư trú tại: ấp L.Th, xã H, huyện C, Tp.M. Quan hệ tranh chấp “xin ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Tp Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định:

Ông Huỳnh Công T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Bà Cổ Ngọc H tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Huỳnh Công T và bà Cổ Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau từ năm 2009. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 52, đăng ký ngày 06/5/2009 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Tp.M. Như vậy hôn nhân giữa ông T và bà H được pháp luật công nhận.

Ông Huỳnh Công T nộp đơn xin ly hôn với bà Cổ Ngọc H do phát sinh mâu thuẫn từ những bất đồng quan điểm xảy ra hàng ngày dẫn đến tranh cãi, Ông và bà H đã sống ly thân với nhau. Bà H mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tuy nhiên bà H không giao nộp văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải đoàn tụ gia đình. Điều đó chứng tỏ bà H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý thức bỏ mặc, từ chối bảo vệ quyền lợi cho bản thân.

Ngày 24/5/2018, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Huỳnh Công T và bà Cổ Ngọc H nhưng không được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy ông Huỳnh Công T yêu cầu ly hôn, xét yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ con chung:

Ông T với bà H có 01 con chung là cháu Huỳnh Hy Tr, sinh ngày 28/6/2012 hiện đang ở với bà H. Ông T đồng ý giao cháu Huỳnh Hy Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu Huỳnh Hy Tr trưởng thành. Xét yêu cầu của ông Huỳnh Công T là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Huỳnh Công T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Công T và bà Cổ Ngọc H xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Công T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 351, Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp B2, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Đăng ký tạm trú: số 12-14 đường 882 Tạ Quang Bửu, phường 05, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh được ly hôn với bà Cổ Ngọc H, sinh năm 1982, HKTT: ấp L.Th, xã H, huyện C, Tp.M.

2. Về quan hệ con chung:

Sau khi, ly hôn bà Cổ Ngọc H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Huỳnh Hy Tr, sinh ngày 28/6/2012 cho đến khi cháu trưởng thành. Ông Huỳnh Công T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu Tr trưởng thành. Ông Huỳnh Công T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà Cổ Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Công T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Huỳnh Công T còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Huỳnh Công T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 05603, ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giò, Tp Hồ Chí Minh, ông T còn phải nộp thêm án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS H. Cần Giờ;
- THADS H. Cần Giờ;
- UBND xã Long Hòa;
- Lưu: Vp,hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Ngọc